

Số: *M35/QĐ-BTTTT*

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố bộ thủ tục hành chính
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông

BỘ TRƯỞNG BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Căn cứ Nghị định số 187/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Quyết định số 30/QĐ-TTg ngày 10 tháng 1 năm 2007 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt Đề án Đơn giản hoá thủ tục hành chính trên các lĩnh vực quản lý nhà nước giai đoạn 2007-2010;

Căn cứ Quyết định số 07/QĐ-TTg ngày 4 tháng 1 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch thực hiện Đề án Đơn giản hoá thủ tục hành chính trên các lĩnh vực quản lý nhà nước giai đoạn 2007-2010;

Căn cứ chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về việc công bố bộ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông tại công văn số 1071/TTg-TCCV ngày 30 tháng 6 năm 2009;

Xét đề nghị của Tổ trưởng Tổ công tác thực hiện Đề án 30 Bộ Thông tin và Truyền thông,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này bộ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông.

1. Trường hợp thủ tục hành chính nêu tại Quyết định này được cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ sau ngày Quyết định này có hiệu lực và các thủ tục hành chính mới được ban hành thì áp dụng đúng quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và phải cập nhật để công bố.

2. Trường hợp thủ tục hành chính do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành nhưng chưa được công bố tại Quyết định này thì được áp dụng theo đúng quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và phải cập nhật để công bố.

THÔNG

Điều 2. Tổ công tác thực hiện Đề án 30 của Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các vụ, cục, đơn vị có liên quan thường xuyên cập nhật để trình Bộ trưởng công bố những thủ tục hành chính nêu tại Khoản 1 Điều 1 Quyết định này. Thời hạn cập nhật hoặc loại bỏ thủ tục hành chính này chậm nhất không quá 10 ngày kể từ ngày văn bản quy định thủ tục hành chính có hiệu lực thi hành.

Đối với các thủ tục hành chính nêu tại khoản 2 Điều 1 Quyết định này, Tổ công tác thực hiện Đề án 30 của Bộ có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các vụ, cục, đơn vị có liên quan trình Bộ trưởng công bố trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày phát hiện thủ tục hành chính chưa được công bố.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Tổ trưởng Tổ công tác thực hiện Đề án 30, thủ trưởng các vụ, cục, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- TTg CP, các PTTg CP (để b/c);
- VPCP : BTrg CN và các PCN;
- Tổ CTCT CCTTHC của TTg CP;
- Như Điều 4;
- Công thông tin điện tử của Bộ TTTT (để đưa tin);
- Lưu: VT, VP, TCT30,NTTH.

BỘ TRƯỞNG



Lê Doãn Hợp

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA
BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1135/QĐ-BTTTT ngày 14 tháng 8 năm 2009
của Bộ Thông tin và Truyền thông)

**PHẦN I: DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC
NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**

A. Thủ tục hành chính cấp trung ương

STT	Tên thủ tục hành chính	Đơn vị thực hiện
I. Lĩnh vực Bưu chính và Chuyển phát		
1	Cấp giấy phép cung ứng dịch vụ chuyển phát thư	Vụ Bưu chính
2	Cấp Giấy phép thử nghiệm dịch vụ chuyển phát thư	Vụ Bưu chính
3	Xác nhận đăng ký là đại lý chuyển phát thư cho tổ chức chuyển phát nước ngoài	Vụ Bưu chính
4	Xác nhận thông báo kinh doanh dịch vụ chuyển phát	Vụ Bưu chính
5	Cấp Giấy phép nhập khẩu tem bưu chính	Vụ Bưu chính
II. Lĩnh vực Viễn thông và Internet		
1	Cấp giấy phép thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ viễn thông	Vụ Viễn thông
2	Sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ viễn thông	Vụ Viễn thông
3	Gia hạn giấy phép thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ viễn thông	Vụ Viễn thông
4	Cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông	Vụ Viễn thông
5	Sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông	Vụ Viễn thông
6	Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông	Vụ Viễn thông
7	Cấp phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng	Vụ Viễn thông
8	Sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng	Vụ Viễn thông
9	Gia hạn giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng	Vụ Viễn thông
10	Cấp Giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông	Vụ Viễn thông

11	Gia hạn thời gian thử nghiệm của Giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông	Vụ Viễn thông
12	Cấp phép lắp đặt cáp viễn thông trong vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa của Việt Nam	Vụ Viễn thông
13	Sửa đổi, bổ sung giấy phép lắp đặt cáp viễn thông trong vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa của Việt Nam	Vụ Viễn thông
14	Gia hạn giấy phép lắp đặt cáp viễn thông trong vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa của Việt Nam	Vụ Viễn thông
15	Xác nhận đủ điều kiện kỹ thuật nghiệp vụ cung cấp dịch vụ trò chơi trực tuyến	Vụ Viễn thông
16	Phân bổ mã, số viễn thông	Vụ Viễn thông
17	Thoả thuận cho phép sản xuất thiết bị vô tuyến	Vụ Viễn thông
18	Thỏa thuận cho phép tạm nhập, tái xuất và sử dụng thiết bị thông tin (cho các đoàn ngoại giao, triển lãm giới thiệu công nghệ)	Vụ Viễn thông
19	Công bố doanh nghiệp nắm giữ các phương tiện thiết yếu	Vụ Viễn thông
20	Công bố doanh nghiệp viễn thông có dịch vụ viễn thông chiếm thị phần khống chế	Vụ Viễn thông
21	Phê duyệt và thông báo về thoả thuận kết nối mẫu	Vụ Viễn thông
22	Đăng ký giá cước viễn thông	Vụ Viễn thông
23	Thông báo giá cước	Vụ Viễn thông
24	Phê duyệt phương án giá cước dịch vụ điện thoại nội hạt (thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ)	Vụ Viễn thông
25	Hiệp thương, giải quyết tranh chấp giữa các doanh nghiệp viễn thông và Internet về kết nối.	Vụ Viễn thông
26	Giải quyết kiến nghị của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân về viễn thông và Internet	Vụ Viễn thông
27	Báo cáo của các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet	Vụ Viễn thông
28	Cấp giấy phép nhập khẩu thiết bị phát, thu-phát sóng vô tuyến điện	Cục QLCL CNTT & TT
29	Gia hạn giấy phép nhập khẩu thiết bị phát, thu-phát sóng vô tuyến điện	Cục QLCL CNTT & TT
30	Công bố hợp quy cho các sản phẩm chuyên ngành công	Cục QLCL

	nghệ thông tin và truyền thông bắt buộc phải công bố hợp quy	CNTT & TT
31	Công bố hợp quy cho các sản phẩm chuyên ngành công nghệ thông tin và truyền thông bắt buộc phải chứng nhận và công bố hợp quy	Cục QLCL CNTT & TT
32	Chứng nhận hợp quy áp dụng đối với sản phẩm sản xuất trong nước của các đơn vị chưa có chứng chỉ hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm	Cục QLCL CNTT & TT
33	Chứng nhận hợp quy áp dụng đối với sản phẩm sản xuất trong nước của các đơn vị đã có chứng chỉ hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm và sản phẩm nhập khẩu	Cục QLCL CNTT & TT
34	Công bố chất lượng dịch vụ bưu chính, viễn thông	Cục QLCL CNTT & TT
35	Công bố sự phù hợp đối với công trình kỹ thuật chuyên ngành viễn thông	Cục QLCL CNTT & TT
36	Kiểm định đối với công trình kỹ thuật chuyên ngành viễn thông	Cục QLCL CNTT & TT
37	Đăng ký hoạt động Nhà đăng ký tên miền quốc tế tại Việt Nam	Trung Tâm Internet Việt Nam
38	Cấp phát sử dụng địa chỉ IP (v4, v6)	Trung Tâm Internet Việt Nam
39	Cấp phát sử dụng số hiệu mạng	Trung Tâm Internet Việt Nam
40	Cấp mã số quản lý cho nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng thư điện tử; nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng tin nhắn; nhà cung cấp dịch vụ tin nhắn qua mạng Internet.	Trung tâm Ứng cứu Khẩn cấp Máy tính Việt Nam
41	Gia hạn mã số quản lý cho nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng thư điện tử; nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng tin nhắn; nhà cung cấp dịch vụ tin nhắn qua mạng Internet	Trung tâm Ứng cứu Khẩn cấp Máy tính Việt Nam
42	Xác nhận đồng bộ cho hệ thống thiết bị nhập khẩu	Vụ Khoa học Công nghệ
43	Chỉ định phòng đo kiểm phục vụ công tác quản lý chất lượng	Vụ Khoa học

		Công nghệ
III. Lĩnh vực Tần số Vô tuyến điện		
1	Cấp phép sử dụng tần số và thiết bị phát sóng vô tuyến điện đối với thiết bị VTĐ riêng lẻ (trừ vi ba, vệ tinh) và điện thoại kéo dài không dây	Cục Tần số Vô tuyến điện
2	Cấp phép sử dụng tần số và thiết bị phát sóng vô tuyến điện đối với đài VTĐ nghiệp dư	Cục Tần số Vô tuyến điện
3	Cấp phép sử dụng tần số và thiết bị phát sóng vô tuyến điện đối với thiết bị phát sóng Phát thanh - Truyền hình	Cục Tần số Vô tuyến điện
4	Cấp phép sử dụng tần số và thiết bị phát sóng vô tuyến điện đối với thiết bị Vi ba	Cục Tần số Vô tuyến điện
5	Cấp phép sử dụng tần số và thiết bị phát sóng vô tuyến điện đối với các mạng dùng riêng	Cục Tần số Vô tuyến điện
6	Cấp phép sử dụng tần số và thiết bị phát sóng vô tuyến điện đối với thiết bị thông tin vệ tinh	Cục Tần số Vô tuyến điện
7	Cấp phép sử dụng tần số và thiết bị phát sóng vô tuyến điện đối với đài thông tin vệ tinh (thiết bị thông tin dành cho cơ quan đại diện nước ngoài)	Cục Tần số Vô tuyến điện
8	Cấp phép sử dụng tần số và thiết bị phát sóng vô tuyến điện đối với đài tàu biển	Cục Tần số Vô tuyến điện
9	Cấp phép sử dụng tần số và thiết bị phát sóng vô tuyến điện đối với đài tàu sông	Cục Tần số Vô tuyến điện
10	Cấp phép sử dụng tần số và thiết bị phát sóng vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá	Cục Tần số Vô tuyến điện
11	Cấp phép sử dụng tần số và thiết bị phát sóng vô tuyến điện đối với đài bờ liên lạc với các phương tiện nghề cá.	Cục Tần số Vô tuyến điện
12	Cấp phép sử dụng tần số vô tuyến điện đối với thiết bị truyền thanh không dây	Cục Tần số Vô tuyến điện
13	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị phát sóng vô tuyến điện	Cục Tần số Vô tuyến điện
14	Sửa đổi, bổ sung nội dung giấy cấp phép sử dụng tần số và thiết bị phát sóng vô tuyến điện	Cục Tần số Vô tuyến điện
15	Cấp giấy phép băng tần	Cục Tần số

		Vô tuyến điện
16	Cấp giấy công nhận các tổ chức đủ điều kiện tổ chức thi, chấm thi vô tuyến điện nghiệp dư	Cục Tần số Vô tuyến điện
17	Xác nhận phù hợp tiêu chuẩn tương thích điện từ	Cục Tần số Vô tuyến điện
18	Phối hợp tần số quỹ đạo vệ tinh	Cục Tần số Vô tuyến điện
19	Cấp giấy Chứng nhận Vô tuyến điện viên hàng hải	Vụ Tổ chức Cán bộ
20	Gia hạn, đổi, cấp lại giấy Chứng nhận Vô tuyến điện viên hàng hải	Vụ Tổ chức Cán bộ
21	Đổi giấy Chứng nhận Vô tuyến điện viên hàng hải đối với thuyền viên nước ngoài làm việc trên tàu mang cờ Việt Nam	Vụ Tổ chức Cán bộ
	Cấp giấy phép nhập khẩu thiết bị phát, thu-phát sóng vô tuyến điện <i>(Xem nội dung chi tiết trong thủ tục hành chính cùng tên thuộc lĩnh vực Viễn thông và Internet)</i>	Cục QLCL CNTT & TT
	Gia hạn giấy phép nhập khẩu thiết bị phát, thu-phát sóng vô tuyến điện <i>(Xem nội dung chi tiết trong thủ tục hành chính cùng tên thuộc lĩnh vực Viễn thông và Internet)</i>	Cục QLCL CNTT & TT
	Công bố hợp quy cho các sản phẩm chuyên ngành công nghệ thông tin và truyền thông bắt buộc phải công bố hợp quy <i>(Xem nội dung chi tiết trong thủ tục hành chính cùng tên thuộc lĩnh vực Viễn thông và Internet)</i>	Cục QLCL CNTT & TT
	Công bố hợp quy cho các sản phẩm chuyên ngành công nghệ thông tin và truyền thông bắt buộc phải chứng nhận và công bố hợp quy <i>(Xem nội dung chi tiết trong thủ tục hành chính cùng tên thuộc lĩnh vực Viễn thông và Internet)</i>	Cục QLCL CNTT & TT
	Chứng nhận hợp quy áp dụng đối với sản phẩm sản xuất trong nước của các đơn vị chưa có chứng chỉ hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm <i>(Xem nội dung chi tiết trong thủ tục hành chính cùng tên thuộc lĩnh vực Viễn thông và Internet)</i>	Cục QLCL CNTT & TT
	Chứng nhận hợp quy áp dụng đối với sản phẩm sản xuất trong nước của các đơn vị đã có chứng chỉ hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm và sản phẩm nhập khẩu <i>(Xem nội</i>	Cục QLCL CNTT & TT

	<i>dung chi tiết trong thủ tục hành chính cùng tên thuộc lĩnh vực Viễn thông và Internet)</i>	
	Xác nhận đồng bộ cho hệ thống thiết bị nhập khẩu <i>(Xem nội dung chi tiết trong thủ tục hành chính cùng tên thuộc lĩnh vực Viễn thông và Internet)</i>	Vụ Khoa học Công nghệ
IV. Lĩnh vực Phát thanh truyền hình và Thông tin điện tử		
1	Cấp giấy phép hoạt động phát thanh truyền hình	Cục Quản lý PTTH & TTĐT
2	Cấp Giấy phép hoạt động truyền hình cáp	Cục Quản lý PTTH & TTĐT
3	Giấy phép thu chương trình truyền hình nước ngoài trực tiếp qua vệ tinh	Cục Quản lý PTTH & TTĐT
4	Giấy chứng nhận đăng ký cho cơ quan, tổ chức kinh doanh việc lắp đặt, sửa chữa thiết bị thu tín hiệu truyền hình trực tiếp từ vệ tinh (TVRO)	Cục Quản lý PTTH & TTĐT
5	Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp bộ giải mã chương trình truyền hình nước ngoài tại Việt Nam	Cục Quản lý PTTH & TTĐT
6	Giấy chứng nhận đăng ký phân phối bộ giải mã chương trình truyền hình nước ngoài tại Việt Nam	Cục Quản lý PTTH & TTĐT
7	Cấp phép hoạt động báo điện tử	Cục Quản lý PTTH & TTĐT
8	Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	Cục Quản lý PTTH & TTĐT
9	Cấp Giấy phép mua tin kinh tế	Cục Quản lý PTTH & TTĐT
10	Xét duyệt nội dung, kịch bản của trò chơi trực tuyến	Cục Quản lý PTTH & TTĐT
11	Cấp, đổi Thẻ nhà báo	Cục Quản lý PTTH & TTĐT
	Cấp giấy phép nhập khẩu thiết bị phát, thu-phát sóng vô tuyến điện <i>(Xem nội dung chi tiết trong thủ tục hành chính cùng tên thuộc lĩnh vực Viễn thông và Internet)</i>	Cục QLCL CNTT & TT
	Gia hạn giấy phép nhập khẩu thiết bị phát, thu-phát sóng	Cục QLCL

	vô tuyến điện <i>(Xem nội dung chi tiết trong thủ tục hành chính cùng tên thuộc lĩnh vực Viễn thông và Internet)</i>	CNTT & TT
	Công bố hợp quy cho các sản phẩm chuyên ngành công nghệ thông tin và truyền thông bắt buộc phải công bố hợp quy <i>(Xem nội dung chi tiết trong thủ tục hành chính cùng tên thuộc lĩnh vực Viễn thông và Internet)</i>	Cục QLCL CNTT & TT
	Công bố hợp quy cho các sản phẩm chuyên ngành công nghệ thông tin và truyền thông bắt buộc phải chứng nhận và công bố hợp quy <i>(Xem nội dung chi tiết trong thủ tục hành chính cùng tên thuộc lĩnh vực Viễn thông và Internet)</i>	Cục QLCL CNTT & TT
	Chứng nhận hợp quy áp dụng đối với sản phẩm sản xuất trong nước của các đơn vị chưa có chứng chỉ hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm <i>(Xem nội dung chi tiết trong thủ tục hành chính cùng tên thuộc lĩnh vực Viễn thông và Internet)</i>	Cục QLCL CNTT & TT
	Chứng nhận hợp quy áp dụng đối với sản phẩm sản xuất trong nước của các đơn vị đã có chứng chỉ hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm và sản phẩm nhập khẩu <i>(Xem nội dung chi tiết trong thủ tục hành chính cùng tên thuộc lĩnh vực Viễn thông và Internet)</i>	Cục QLCL CNTT & TT
	Xác nhận đồng bộ cho hệ thống thiết bị nhập khẩu <i>(Xem nội dung chi tiết trong thủ tục hành chính cùng tên thuộc lĩnh vực Viễn thông và Internet)</i>	Vụ Khoa học Công nghệ

V. Lĩnh vực Công nghệ thông tin, điện tử

1	Cấp phép cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng	Cục Ứng dụng CNTT
2	Thay đổi nội dung giấy phép cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng	Cục Ứng dụng CNTT
3	Cấp lại giấy phép của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng	Cục Ứng dụng CNTT
4	Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng	Cục Ứng dụng CNTT
5	Xin cấp chứng thư số của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng.	Cục Ứng dụng CNTT
6	Đăng ký hoạt động của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng	Cục Ứng dụng CNTT

7	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chữ ký số.	Cục Ứng dụng CNTT
8	Công nhận chữ ký số và chứng thư số nước ngoài	Cục Ứng dụng CNTT
VI. Lĩnh vực Báo chí		
1	Cấp Giấy phép hoạt động báo chí	Cục Báo chí
2	Cấp Giấy phép sửa đổi, bổ sung những quy định trong Giấy phép hoạt động báo chí.	Cục Báo chí
3	Cấp Giấy phép xuất bản số phụ	Cục Báo chí
4	Cấp Giấy phép xuất bản phụ trương	Cục Báo chí
5	Cấp Giấy phép xuất bản đặc san	Cục Báo chí
6	Cấp Giấy phép thành lập cơ quan báo chí, xuất bản báo chí Việt Nam ở nước ngoài	Cục Báo chí
7	Cấp Giấy phép phát hành báo chí Việt Nam ra nước ngoài	Cục Báo chí
8	Chấp thuận cử nhà báo, phóng viên ra nước ngoài	Cục Báo chí
9	Thuê chuyên gia, cộng tác viên nước ngoài	Cục Báo chí
10	Cho phép sửa đổi, bổ sung những quy định trong Giấy phép hoạt động báo chí	Cục Báo chí
11	Cho phép tổ chức hoạt động liên quan đến thông tin báo chí của cơ quan, tổ chức nước ngoài	Cục Báo chí
12	Cho phép sửa đổi quy định trong Giấy phép Lập văn phòng đại diện của cơ quan báo chí Việt Nam tại nước ngoài	Cục Báo chí
13	Cấp Giấy phép xuất bản bản tin (trong nước).	Cục Báo chí
14	Cấp Giấy phép xuất bản bản tin, tài liệu, tờ rơi, phát hành thông cáo báo chí (nước ngoài)	Cục Báo chí
15	Cấp Giấy phép in và phát hành báo chí Việt Nam ở nước ngoài.	Cục Báo chí
16	Cấp Giấy phép lập văn phòng đại diện của cơ quan báo chí Việt Nam tại nước ngoài	Cục Báo chí
17	Cấp Giấy phép trưng bày tù ảnh, tù thông tin	Cục Báo chí
18	Cấp Thẻ Nhà báo	Cục Báo chí
19	Cấp lại Thẻ Nhà báo	Cục Báo chí

20	Đổi Thẻ Nhà báo	Cục Báo chí
21	Chấp thuận hoạt động hợp tác của báo chí Việt nam với nước ngoài	Cục Báo chí
22	Cho phép hợp báo	Cục Báo chí
23	Cấp Giấy phép ra phụ trương quảng cáo	Cục Báo chí
24	Cấp Giấy phép sửa đổi, bổ sung Giấy phép ra phụ trương quảng cáo	Cục Báo chí
25	Cấp Giấy phép nhập khẩu báo chí	Cục Báo chí
26	Cho phép thay đổi nhân sự của Văn phòng đại diện của báo chí Việt Nam ở nước ngoài	Cục Báo chí
VII. Lĩnh vực Xuất bản		
1	Cấp Giấy phép thành lập nhà xuất bản	Cục Xuất bản
2	Cấp Giấy phép đặt văn phòng đại diện nhà xuất bản nước ngoài tại Việt Nam	Cục Xuất bản
3	Cấp Giấy phép hoạt động văn phòng đại diện của tổ chức nước ngoài tại Việt Nam trong lĩnh vực phát hành xuất bản phẩm	Cục Xuất bản
4	Cấp Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch xuất bản	Cục Xuất bản
5	Cấp Giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh cho cơ quan, tổ chức trung ương, tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế, doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài tại Việt Nam	Cục Xuất bản
6	Cấp Giấy phép hoạt động in đối với xuất bản phẩm, sản phẩm báo chí, tem chống giả cho cơ sở in thuộc cơ quan, tổ chức ở Trung ương	Cục Xuất bản
7	Cấp Giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài đối với cơ sở in ở Trung ương	Cục Xuất bản
8	Cấp Giấy phép nhập khẩu máy photo màu	Cục Xuất bản
9	Cấp Giấy phép in gia công cho nước ngoài sản phẩm không phải là xuất bản phẩm đối với cơ sở in của cơ quan, tổ chức ở Trung ương	Cục Xuất bản
10	Cấp Giấy phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm	Cục Xuất bản
11	Cấp Giấy xác nhận đăng ký danh mục nhập khẩu xuất bản	Cục Xuất bản

	phẩm	
12	Cấp Giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh	Cục Xuất bản
13	Cấp Giấy phép tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm cho cơ quan, tổ chức ở Trung ương; tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế	Cục Xuất bản

B. Thủ tục hành chính cấp địa phương

STT	Tên thủ tục hành chính	Đơn vị thực hiện
I. Lĩnh vực Bru chính và Chuyển phát		
1	Cấp giấy phép cung ứng dịch vụ chuyển phát thư	Sở Thông tin và Truyền thông
2	Xác nhận thông báo kinh doanh dịch vụ chuyển phát	Sở Thông tin và Truyền thông
II. Lĩnh vực Viễn thông và Internet		
1	Báo cáo Sở Thông tin và Truyền thông về tình hình cung cấp dịch vụ Internet	Sở Thông tin và Truyền thông
II. Lĩnh vực Báo chí		
1	Cấp Giấy phép trưng bày tủ thông tin	Sở Thông tin và Truyền thông
2	Cấp Giấy phép xuất bản bản tin (trong nước)	Sở Thông tin và Truyền thông
3	Cho phép tổ chức hoạt động liên quan đến thông tin báo chí của cơ quan, tổ chức nước ngoài	Sở Thông tin và Truyền thông
4	Cho phép hợp báo	Sở Thông tin và Truyền thông
5	Cho phép thành lập và hoạt động của cơ quan đại diện, phóng viên thường trú ở trong nước của các cơ quan báo chí	Sở Thông tin và Truyền thông
III. Lĩnh vực Xuất bản		
1	Cấp Giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh cho cơ quan, tổ chức thuộc địa phương, chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị trực thuộc cơ quan, tổ chức của trung ương tại địa phương	Sở Thông tin và Truyền thông

2	Cấp Giấy phép hoạt động in đối với xuất bản phẩm, sản phẩm báo chí, tem chống giả cho cơ sở in của địa phương	Sở Thông tin và Truyền thông
3	Cấp Giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài đối với cơ sở in của địa phương	Sở Thông tin và Truyền thông
4	Cấp Giấy phép in gia công cho nước ngoài sản phẩm không phải là xuất bản phẩm đối với cơ sở in của cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc địa phương	Sở Thông tin và Truyền thông
5	Cấp Giấy xác nhận đăng ký in vàng mã	Sở Thông tin và Truyền thông
6	Cấp Giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh	Sở Thông tin và Truyền thông
7	Cấp Giấy phép tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm cho cơ quan, tổ chức, cá nhân của địa phương; chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị trực thuộc của cơ quan, tổ chức của Trung ương tại địa phương	Sở Thông tin và Truyền thông